

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Ông Bùi Mạnh Quyết.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Long An.

Tạm trú: ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà A trình bày:

Bà và ông B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã F, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2015. Từ tháng 4/2022 bà phát hiện điện thoại ông B có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, xưng là vợ chồng còn kể chuyện hẹn hò quan hệ đi khách sạn với nhau, bà còn chụp lại được tin nhắn và hình ảnh hai người, khi hỏi thì ông B chối nói là không có quan hệ chỉ là giỡn, sau đó ông B khóa điện thoại không cho bà xem. Về sau ông B từng thừa nhận mối quan hệ của ông với cô L và hứa sẽ không liên lạc nhưng ông B không có thay đổi. Sau đó thì vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau thường

xuyên, ông B đi nhậu về cũng hần học với bà, đỉnh điểm mâu thuẫn là đến tháng 11/2022 ông B còn khen cô Trà đẹp sẽ sinh con gái với cô L và còn nói chuyện điện thoại với cô L trước mặt của bà, bà thấy ông B thiếu sự thương yêu và tôn trọng vợ con, bà không chịu được nên dẫn theo con về nhà cha mẹ ruột ở K sinh sống. Bà không còn tình cảm với ông B nên kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên C sinh ngày 23/12/2016 và D sinh ngày 29/3/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà ở nhà cha mẹ ruột của bà và cháu D đang học lớp chồi Trường Mầm non Thiên Thần, cháu C đang học Trường tiểu học M cùng ở ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Long An. Trong quá trình giải quyết, bà yêu cầu nuôi 02 con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu ông B cấp dưỡng theo mức quy định pháp luật. Bà đã chuyển về làm gần nhà để có điều kiện chăm sóc con, hiện đang làm ở Công ty N, xã P, huyện K, tỉnh Long An thu nhập hàng tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Hàng ngày có em gái và cha của bà phụ đưa rước con đi học.

Từ khi không sống chung nữa thì bà vẫn cho ông B rước về nhà nội chơi nhưng đi đường xa, các con đi về hay bệnh, nên bà có nói là hạn chế, có yêu cầu ông Bình lên nhà thăm nhưng ông B không đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông B trình bày: ông thống nhất trình bày của bà Tiên về quá trình chung sống, kết hôn. Về mâu thuẫn thì ông không thống nhất, ông không có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chỉ là quen biết nói chuyện giỡn ghẹo chơi, mà thấy bà Tiên ghen quá nên ông xóa kết bạn zalo rồi. Ông B cho rằng bà A chụp hình tình nhân ko biết phải từ điện thoại của ông hay không không. Ông có biết cô L làm ở karaoke R nhưng chỉ là vào hát vài lần thì biết vậy chứ không có quan hệ gì. Ông nhận thấy cũng không còn tình cảm với bà A nên đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: có 02 con chung tên C sinh ngày 23/12/2016 và D sinh ngày 29/3/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà Tiên. Từ tháng 11/2022 khi bà A về nhà cha mẹ ruột thì ông có rước về nội chơi được 1-2 lần, có vài lần rước về mà bà A không cho. Thời gian qua ông không có chu cấp gì cho 02 con là vì thời điểm này còn đang mắc nợ nhiều. Nếu ly hôn thì ông yêu cầu nuôi 02 con chung không yêu cầu bà A cấp dưỡng. Trường hợp nếu bà A được cho nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng theo mức quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Long An phát biểu quan điểm: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: bà A xin ly hôn, ông Bình đồng ý thống nhất ly hôn, nên cho bà A ly hôn. Về con chung: xét con chung còn nhỏ và đang ở chung với bà A nên cần giữ nguyên để đảm bảo sự ổn định tâm lý và sự phát triển của con chung nên giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi là có cơ sở. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu nên không giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà A và ông B kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã F, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2015. Nay bà Tiên khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Do ông B hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà A có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả hoà giải không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

[5] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

[6] Xét thấy, sau khi kết hôn thì bà A và ông B chung sống với nhau tại nhà chồng tại ấp E, xã Bình An, huyện F, tỉnh Long An. Từ tháng 4/2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình thường xuyên cãi nhau không hạnh phúc. Theo bà A trình bày thì mâu thuẫn chủ yếu là do bà phát hiện ông B có quan hệ với người phụ nữ khác, xưng là vợ chồng còn kể chuyện hẹn hò quan hệ đi khách sạn với nhau, bà còn chụp lại được tin nhắn và hình ảnh hai người, sau đó ông B khóa điện thoại không cho bà xem. Về sau ông B từng thừa nhận mối quan hệ của ông với cô L và hứa sẽ không liên lạc nhưng ông B không có thay đổi. Sau đó thì vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên, đến tháng 11/2022 ông B còn nói chuyện điện thoại với cô L trước mặt của bà, bà không chịu được nên dẫn theo con về nhà cha mẹ ruột ở K sinh sống. Theo ông B trình bày thì ông có biết cô L làm ở karaoke R nhưng chỉ là vào hát vài lần thì biết vậy chứ không có quan hệ gì. Thấy rằng, mặc dù bà A có cung cấp hình ảnh ông B dự sinh nhật cô L chung với gia đình cô L và những đoạn tin nhắn giữa ông B với bà A, trong đó có đoạn ông B thừa nhận với bà A là có quan hệ tình cảm với cô L nhưng trong quá trình giải quyết, ông B không thừa nhận có quan hệ tình cảm với cô L. Tuy ông B và bà L không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn nhưng hai người không còn niềm tin với nhau, không cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống gia đình càng không hạnh phúc, sống chung nhà nhưng không có sự tôn trọng và quan tâm chăm sóc nhau từ đó mâu thuẫn càng trầm trọng. Bà A không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn, ông Bình cũng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy tình cảm giữa bà A và ông B không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, cho bà A ly hôn với ông Bình là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: có 02 con chung tên C sinh ngày 23/12/2016 và D sinh ngày 29/3/2018. Ông B và bà A đều có yêu cầu nuôi 2 con chung.

[7.1] Xét về điều kiện tài chính: bà A làm nhân viên Công ty N ở ấp G xã H huyện K tỉnh Long An có thu nhập ổn định hàng tháng từ 10-12 triệu đồng, ông B hiện công tác tại Ủy ban nhân dân xã F thu thập hàng tháng khoảng gần 5.000.000 đồng, cả hai đều có thu nhập ổn định. Nhưng theo ông Bình trình bày thì hiện ông đang mắc nợ nên thời gian vợ chồng ly thân ông không có chu cấp cho các con chung được, vậy thu nhập của bà A cũng có phần hơn ông Bình.

[7.2] Xét về điều kiện sinh hoạt: từ sau khi kết hôn và sinh con, các con chung chủ yếu do bà A trực tiếp chăm sóc. Hiện nay con chung còn nhỏ cũng cần mẹ chăm sóc và chưa đủ tuổi theo quy định pháp luật để tiến hành lấy nguyện vọng. Đồng thời, từ tháng 11/2022 bà A dẫn con về nhà cha ruột ở K sinh sống với bà và đi học ở K, Cháu C đang học lớp chồi Trường Mầm non Thiên Thần và Cháu D đang học Trường tiểu học Z cùng ở ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Long An, bà A làm việc gần nhà cũng có điều kiện chăm sóc con. Cho nên các con chung tiếp tục sống cùng bà tiên là đảm bảo sự phát triển ổn định về mặt tâm lý, môi trường sống và điều kiện sinh hoạt học hành của các con chung,. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung chưa thành niên C và D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Bình có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa bà A yêu cầu cấp dưỡng theo mức quy định pháp luật. Ông B đồng ý. Do đó, HĐXX buộc ông B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản nhà nước quy định hiện nay là 745.000 đồng cho mỗi chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T tỉnh Long An là có cơ sở.

[10] Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các điều 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 56, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Cho bà A ly hôn với ông B.

Về con chung: có 02 con chung tên C sinh ngày 23/12/2016 và D sinh ngày 29/3/2018. Giao 02 con chung tên C và D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 745.000 đồng (1/2 mức lương cơ bản nhà nước quy định) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông B không đặt ra giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0002985 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà A không phải nộp thêm.

Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã E.
- Các đương sự;
- Ân văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm

